TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2022/HC-PT
Ngày 23 - 2 - 2022
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính, trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Vũ Ngọc Huynh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hừng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 2 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 622/2021/TLPT-HC ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2021/QĐPT-HC ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Quách Thu T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 291K, Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 17, Tổ 33, Khóm 4, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh Nam-Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T: Ông Nguyễn Hữu N – Phó Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh Nam (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1978, Phó Giám đốc ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện; Ông Huỳnh Trung Đ, sinh năm 1975, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, ông Nguyễn Nguyên N, sinh năm 1989, Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường huyện. (có mặt)

Cùng địa chỉ: đường Võ Văn Kiệt, Khóm 5, thị trấn T, huyện T, Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Quách Thu T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị Kim C trình bày:

Ngày 31/12/2019 UBND huyện T ban hành Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC để thu hồi đất của bà Quách Thu T cụ thể: Thửa đất số 69 tờ bản đồ số 77, diện tích 1.013,0 m^2 đất tại thị trấn T.

Để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp;

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Quách Thu T về việc thu hồi diện tích 1.013,0 m^2 đất thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 77, mục đích sử dụng đất Lúa với tổng số tiền bồi thường về đất là 121.560.000 đồng. Ngoài khoản bồi thường về giá trị đất dự án còn hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho đối tượng sản xuất đất nông nghiệp có đất bị thu hồi, số tiền hỗ trợ bằng ba lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi. Tuy nhiên khi thu hồi đất nông nghiệp của bà T thì UBND Huyện không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà T.

Ngày 20/3/2020 bà T có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện, sau đó Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định số 39/QĐ-UBND-NC ngày 14/7/2020 bác đơn khiếu nại của bà T.

Do đó: Bà Quách Thu T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết:

- Hủy các Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC, ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp;

- Hủy Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC, ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp; Hạng mục tuyến đê bao khu I thuộc địa bàn thị trấn T.

- Hủy Quyết định số 39/QĐ-UBND-NC ngày 14/7/2020, của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ông Nguyễn Văn Cường trình bày:

Xét Văn bản số 638/TNMT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến như sau:

Ngày 12 tháng 10 năm 2009, ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ HO 1790 (thửa đất số 369, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.903m^2, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước) cho cá nhân bà Quách Thu T, đất toạ lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là do nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị Thé.

Ngày 19 tháng 3 năm 2014, bà Quách Thu T làm đơn xin cấp đổi thửa 369 sang bản đồ địa chính hệ toạ độ VN2000 và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ CH02428 ngày 18 tháng 11 năm 2014 (thửa đất số 69, tờ bản đồ số 77, diện tích 3.486,3m^2) cho cá nhân bà Quách Thu T, đất toạ lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 30 tháng 10 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 1310/QĐ-UBND.HC phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 1310/QĐ-UBND.HC phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2020/QĐ-UBND-HC về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC về việc thu hồi diện tích 1.013,0 m^2 đất thuộc một phần thửa số 69, tờ bản đồ số 77, mục đích sử dụng đất Lúa của bà Quách Thu T; Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Quách Thu T để thực hiện Dự án Hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống của người dân tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Hạng mục: Tuyến đê bao Khu I thuộc địa bàn thị trấn T) với tổng số tiền bồi thường về đất là 121.560.000 đồng.

Do không thống nhất với Quyết định bồi thường số 2074/QĐ-UBND-HC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T nên bà Quách Thu T có đơn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân Huyện hỗ trợ chính sách đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất (gọi tắt là hỗ trợ 03 lần giá đất nông nghiệp).

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 39/QĐ-UBND-NC giải quyết bác nội dung đơn khiếu nại của bà

Quách Thu T giữ nguyên Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T. Lý do bà Quách Thu T là đối tượng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ.

Tóm lại: Căn cứ khoản 1 Điều 3a Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ được bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định trách nhiệm xác nhận nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện thủ tục giao đất, đăng ký nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất *"Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cả nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp".*

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được thực hiện trong các trường hợp: *"Thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân mà cần xác định đối tượng được bồi thường, hỗ trợ"* và điểm b khoản 2 Điêu 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định căn cứ để xác định cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp:*"Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội".*

Căn cứ các quy định nêu trên thì việc xem xét giải quyết chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ 03 lần giá đất nông nghiệp) đối với người bị thu hồi đất nông nghiệp phải có văn bản xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Việc xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ôn định từ sản xuất nông nghiệp thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Do đó, vào ngày 14 tháng 11 năm 2019, Ủy ban nhân dân thị trấn T có Văn bản số 299/UBND-KT xác nhận bà Quách Thu T không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp, từ đó Ủy ban nhân dân huyện không có cơ sở để hỗ trợ chính sách đào tạo, chuyển đổi ghề, tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Quách Thu T.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC, Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 39/QĐ- UBND-NC ngày 14 tháng 7 năm 2020 là đúng quy định pháp luật.

Qua đó, Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC, Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện,

Quyết định số 39/QĐ-UBND-HC ngày14 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và xem xét giải quyết vụ việc đúng theo quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ông Huỳnh Trung Đạt, ông Nguyễn Nguyên Nhân trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Cường.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2021/HC-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, 32 khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158 và điểm a, khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính 2015; Khoản 1 Điều 18; Điều 22, 30, Điều 66, 67, 68, 69, Điều 83 và Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu T đối với việc hủy các Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC, ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp; Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC, ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp; Hạng mục tuyến đê bao khu I thuộc địa bàn thị trấn T và Quyết định số 39/QĐ-UBND-NC ngày 14/7/2020, của Chủ tịch UBND huyện T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 11 năm 2021, bà Quách Thu T có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Quách Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo huỷ một phần Quyết định số 2074/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định 2074) ngày 31/12/2019 của Uỷ ban nhân dân huyện T (UBND huyện T); Quyết định 39/QĐ- UBND ngày 14/7/2020 (gọi tắt là Quyết định 39) của Chủ tịch UBND huyện T, rút lại yêu cầu kháng cáo đối với Quyết định số 1975/QĐ- UBND -HC ngày 31/12/2019 của UBND huyện T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện phát biểu: cơ bản người khởi kiện đồng ý các phần khác của Quyết định 2074, tuy nhiên họ không đồng ý việc người bị kiện không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho đối tượng sản xuất đất nông nghiệp có đất bị thu hồi. Sở dĩ UBND không hỗ trợ vấn đề trên là căn cứ vào quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 và điểm b

khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên môi trường để không hỗ trợ cho người khởi kiện. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo bà T cho rằng bà là cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nên khi thu hồi đất nông nghiệp Nhà nước phải thực hiện chính sách hỗ trợ đúng quy định cho bà. Tại Văn bản số 299/UBND-KT ngày 14/11/2019 của UBND thị trấn T đã xác nhận bà T không trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp và là đối tượng nghỉ hưu được chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT thì bà T không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nên không được hưởng các khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do vậy, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của bà T không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại toà, qua kết quả tranh luận, nghe lời phát biểu của các đương sự của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà.

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định 1975, Quyết định 2074, Quyết định 39 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Về thời hiệu: Quyết định số 1975 ngày 31/12/2019; Quyết định số 2074 ngày 31/12/2019; Quyết định số 39 ngày 14/7/2020; Ngày 12/8/2020 người khởi kiện làm đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện đồng ý Quyết định thu hồi đất số 1975, nên đã rút lại yêu cầu kháng cáo đối với quyết định này. Hội đồng xét xử xét thấy người khởi kiện đã tự nguyện rút lại yêu cầu kháng cáo đối với Quyết định 1975. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 218 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định 1975.

[2] Về tính hợp pháp của các Quyết định 2074 và Quyết định 39 :

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền: các Quyết định trên được ban hành đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung của các Quyết định:

Sau khi ban hành Quyết định 1975 thu hồi đất đối với người khởi kiện, người bị kiện ban hành quyết định 2074 bồi thường về giá trị đất mà người khởi kiện bị thu hồi. Tuy nhiên người khởi kiện cho rằng ngoài khoản bồi thường về giá trị đất thì họ còn được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho đối tượng sản xuất đất nông nghiệp có đất bị thu hồi.

Người bị kiện cho rằng sở dĩ người khởi kiện không được hỗ trợ chính sách trên là vì căn cứ vào quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên Môi trường thì người khởi kiện thuộc đối tượng nghỉ hưu nên không được hưởng.

Toà án cấp sơ thẩm cũng căn cứ vào quy định trên và văn bản số 299 ngày 14/11/2019 của UBND thị trấn T xác nhận người khởi kiện không thuộc đối trực tiếp sản xuất nông nghiệp do người khởi kiện là đối tượng nghỉ hưu, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai quy định đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp tìm kiếm việc làm: *"Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm"*.

Việc xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp thì áp dụng Thông tư 33/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 (Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 01/2017 ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014). Tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư 33/TT-BTNMT quy định:

"...2. Các căn cứ để xác định cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp:

a/ Đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất, do nhận chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất; đang sử dụng đất nông nghiệp mà chưa được Nhà nước công nhận;

b/ Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;

c/...

3. Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp:

a/...

b/ Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;

Tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Thông tư 33 đã liệt kê rõ những đối tượng nào là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bao gồm: thứ nhất "Không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên" thứ hai "đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;" và ngay cả điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư 33/TT-BTNMT quy định căn cứ để xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp là trong hộ gia đình đó chỉ cần có 1 thành viên của hộ gia đình "không thuộc đối tượng được hưởng lương thường xuyên;" "đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội" là đã xem như cả hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Do đó, văn bản 299/UBND -KT ngày 14/11/2019 của UBND thị trấn T lại căn cứ vào quy định trên để xác nhận bà Quách Thu T không thuộc đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp do bà Thuỷ là đối tượng nghỉ hưu và cách hiểu của người bị kiện về điều luật trên là chưa chính xác. Cho nên, việc Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào văn bản 299/UBND-KT ngày 14/11/2019 của UBND thị trấn T và điều luật trên để bác yêu cầu của người khởi kiện là không đúng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện sửa bản án sơ thẩm huỷ Quyết định số 39 về việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện về khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Thuỷ.

Riêng Quyết định số 2074 hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định này chỉ giải quyết phần bồi thường giá trị đất, không có nội dung giải quyết là chấp nhận hay bác khoản hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, mà phần bồi thường giá trị đất thì người khởi kiện đã đồng ý, nên không cần thiết phải huỷ Quyết định này. Cho nên hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 39 về việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện về yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là phù hợp pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T tiếp tục giải quyết khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà T theo quy định

[3] Án phí hành chính:

[3.1] Về án phí sơ thẩm:

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

Bà Quách Thu T không phải chịu án phí sơ thẩm

[3.2] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên bà Quách Thu T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Quách Thu T.

Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định số 1975/QĐ-UBND-HC, ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu T về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 2074/QĐ-UBND-HC ngày 31/12/2019 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đời sống người dân tại thị trấn T và xã Phú Cường, huyện T, Đồng Tháp; Hạng mục tuyến đê bao khu I thuộc địa bàn thị trấn T

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thu T:

Huỷ Quyết định số 39/QĐ-UBND-NC ngày 14/7/2020, của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T tiếp tục giải quyết khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà T theo quy định.

II. Về án phí hành chính:

1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Bà Quách Thu T không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn lại 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006032 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Bà Quách Thu T không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được hoàn lại 300.000 đồng án phí theo biên lai số 0004543 ngày 23/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP. (15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Duyên